

KẾ HOẠCH

sơ kết 03 năm thực hiện Nghị quyết số 16-NQ/TU, ngày 13/01/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng thực hiện xây dựng nông thôn mới đến năm 2025, định hướng đến năm 2030

Thực hiện Chương trình công tác của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Tỉnh ủy năm 2024 (*bổ sung*), Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Kế hoạch sơ kết 03 năm thực hiện Nghị quyết số 16-NQ/TU, ngày 13/01/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng thực hiện xây dựng nông thôn mới đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 (*viết tắt là Nghị quyết số 16-NQ/TU*), cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Đánh giá toàn diện, sâu sắc công tác lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết số 16-NQ/TU; phân tích rõ kết quả đạt được, những hạn chế, khó khăn, vướng mắc trong công tác thực hiện xây dựng nông thôn mới; chỉ rõ nguyên nhân, nhất là nguyên nhân chủ quan; rút ra những kinh nghiệm. Từ đó đề xuất bổ sung, điều chỉnh một số nhiệm vụ, giải pháp để tập trung chỉ đạo thực hiện thắng lợi các mục tiêu Nghị quyết số 16-NQ/TU trong thời gian tới.

2. Thông qua việc sơ kết, đánh giá, tiếp tục nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp ủy đảng, chính quyền, cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân về vị trí, vai trò, ý nghĩa, tầm quan trọng của việc thực hiện xây dựng nông thôn mới, góp phần phát triển kinh tế-xã hội của tỉnh; tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức và hành động trong mỗi cán bộ, đảng viên để tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 16-NQ/TU.

3. Việc sơ kết, đánh giá phải bám sát nội dung Nghị quyết số 16-NQ/TU, các quan điểm, chủ trương về thực hiện xây dựng nông thôn mới và tình hình thực tế để phân tích, đánh giá, xây dựng báo cáo nghiêm túc, thiết thực, chất lượng, đúng tiến độ và phù hợp với điều kiện thực tiễn; phân công rõ nhiệm vụ của đơn vị chủ trì và phối hợp.

II. NỘI DUNG, HÌNH THỨC VÀ THỜI GIAN**1. Nội dung**

- Đánh giá tình hình, kết quả công tác lãnh đạo, chỉ đạo quán triệt, triển khai thực hiện và đề ra phương hướng, nhiệm vụ, mục tiêu, giải pháp tiếp tục thực hiện

Nghị quyết số 16-NQ/TU (theo Đề cương đính kèm).

- Mốc thời gian lấy số liệu báo cáo: Từ năm 2021 đến hết tháng 6/2024.

2. Hình thức và thời gian

- Việc sơ kết, đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết số 16-NQ/TU tại các cơ quan, đơn vị do đồng chí bí thư cấp ủy, tổ chức đảng và thủ trưởng cơ quan, đơn vị trực tiếp chỉ đạo, chủ trì.

- Các ban Đảng, Ban cán sự Đảng, đảng đoàn, các huyện, thành ủy, đảng ủy trực thuộc và các sở, ban, ngành, mặt trận, đoàn thể cấp tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao và tình hình triển khai cụ thể của ngành, địa phương để chỉ đạo tổ chức sơ kết, đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết số 16-NQ/TU sát, đúng tình hình thực tiễn, bảo đảm đúng theo nội dung, yêu cầu của Kế hoạch này.

- Ban Thường vụ Tỉnh ủy chỉ đạo tổ chức Hội nghị Tỉnh ủy **trong tháng 10/2024**.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các ban đảng, Ban cán sự đảng, đảng đoàn, các huyện, thành ủy, đảng ủy trực thuộc và các sở, ban, ngành, mặt trận, đoàn thể cấp tỉnh tổ chức sơ kết, đánh giá 03 năm thực hiện Nghị quyết số 16-NQ/TU và xây dựng báo cáo gửi về Ban cán sự đảng UBND tỉnh (thông qua Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) **trước ngày 15/8/2024** để tổng hợp, xây dựng báo cáo trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

2. Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo Ủy ban nhân dân tỉnh, các sở, ngành, địa phương, đơn vị có liên quan triển khai thực hiện Kế hoạch này; tiến hành khảo sát, thu thập số liệu, tổ chức sơ kết đánh giá, tổng hợp, xây dựng dự thảo báo cáo; gửi lấy ý kiến góp ý, phản biện, thẩm định của các cơ quan, đơn vị liên quan và tiếp thu, hoàn chỉnh dự thảo báo cáo sơ kết bảo đảm chất lượng, đúng trình tự, thủ tục theo các quy định, hướng dẫn có liên quan, nhất là Quy định số 20-QĐ/TU ngày 05/9/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về quy trình, hồ sơ, thủ tục đối với nội dung trình hội nghị cấp ủy tỉnh và ban hành văn bản sau hội nghị. Đồng thời, phối hợp với Văn phòng Tỉnh ủy đề xuất và chuẩn bị các nội dung liên quan để tổ chức Hội nghị Ban Thường vụ, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh. Nội dung tham mưu gửi về Thường trực Tỉnh ủy **trước ngày 01/10/2024**.

Về tài liệu, hồ sơ, trình tự, thủ tục tham mưu tổ chức các Hội nghị: Thực hiện theo Quy định số 20-QĐ/TU ngày 05/9/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về quy trình, hồ sơ, thủ tục đối với nội dung trình hội nghị cấp ủy tỉnh và ban hành văn bản sau hội nghị.

3. Các đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy phụ trách địa bàn có trách nhiệm chỉ đạo, đôn đốc việc tổ chức sơ kết, đánh giá của các huyện, thành ủy được phân công phụ trách, đảm bảo có chất lượng và đúng thời gian theo kế hoạch.

4. Văn phòng Tỉnh ủy theo dõi, đôn đốc việc thực hiện Kế hoạch này; đồng thời, phối hợp với Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh, các cơ quan liên quan tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh ủy tổ chức Hội nghị sơ kết *trong tháng 10/2024*.

Nơi nhân:

- Ban Kinh tế Trung ương,
- Các đồng chí Thường vụ Tỉnh ủy,
- Các ban đảng, đảng đoàn, ban cán sự đảng,
- Các huyện, thành ủy, đảng ủy trực thuộc,
- Các sở, ngành, mặt trận, đoàn thể cấp tỉnh,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ**

Phạm Văn Hậu

ĐỀ CƯƠNG

BÁO CÁO

sơ kết 03 năm thực hiện Nghị quyết số 16-NQ/TU, ngày 13/01/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng thực hiện xây dựng nông thôn mới đến năm 2025, định hướng đến năm 2030

(Kèm theo Kế hoạch số -KH/TU ngày /8/2024 của Tỉnh ủy)

Các cấp ủy, tổ chức đảng, các cơ quan, đơn vị, địa phương trên cơ sở bám sát các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Nghị quyết số 16-NQ/TU và tình hình thực tế tại của cơ quan, đơn vị, địa phương mình để đánh giá kết quả 03 năm thực hiện Nghị quyết số 16-NQ/TU, cụ thể như sau:

Phần thứ nhất

TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 16-NQ/TU

I. KHÁI QUÁT TÌNH HÌNH

- Đặc điểm tình hình chung.
- Những thuận lợi, khó khăn tác động đến việc thực hiện Nghị quyết số 16-NQ/TU.

II. CÔNG TÁC LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO HỌC TẬP, QUẢN TRIỆT, CỤ THỂ HÓA VÀ KIỂM TRA, GIÁM SÁT

1. Công tác tổ chức học tập, quán triệt, tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức. Đánh giá khái quát về nội dung, hình thức tuyên truyền, kết quả chuyển biến nhận thức, trách nhiệm của các cấp, các ngành, cán bộ, đảng viên, công chức... sau khi được tuyên truyền, phổ biến, quán triệt.

Lưu ý, nêu rõ và có danh mục thể hiện số lớp, số lượng đảng viên, cán bộ, công chức, viên chức,... được tuyên truyền, phổ biến, quán triệt.

2. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo cụ thể hóa và ban hành các văn bản thực hiện Nghị quyết số 16-NQ/TU và các chủ trương, quan điểm, định hướng có liên quan thuộc phạm vi trách nhiệm của cơ quan, đơn vị, địa phương. Đánh giá khái quát công tác lãnh đạo, chỉ đạo trong việc cụ thể hoá, xây dựng chương trình hành động, kế hoạch,... thực hiện.

Lưu ý, cần nêu rõ và có danh mục thể hiện các văn bản chỉ đạo triển khai thực hiện và các văn bản cụ thể hóa Nghị quyết số 16-NQ/TU.

3. Công tác kiểm tra, giám sát của các cấp ủy, tổ chức đảng trong việc thực hiện Nghị quyết số 16-NQ/TU.

III. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

1. Kết quả thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu chủ yếu

- Xây dựng địa phương đạt chuẩn nông thôn mới: số huyện đạt chuẩn nông thôn mới, số huyện đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, số huyện cơ bản đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao; số xã đạt chuẩn nông thôn mới, số xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, số xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu; số xã còn dưới 15 tiêu chí theo Bộ Tiêu chí; số thôn đạt chuẩn nông thôn mới, số thôn đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu và số thôn thuộc các xã đặc biệt khó khăn, xã bãi ngang ven biển được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới.

- Tỷ lệ lao động nông thôn qua đào tạo đạt; thu nhập bình quân của người dân nông thôn; duy trì mức giảm tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn đa chiều, tỷ lệ hộ nghèo dân tộc thiểu số.

- Tốc độ tăng trưởng bình quân giá trị gia tăng ngành nông nghiệp; giá trị sản xuất trên 01 ha đất trồng trọt; tỷ lệ diện tích sản xuất chủ động tưới; chuyển đổi diện tích đất trồng lúa kém hiệu quả sang các loại cây trồng khác có hiệu quả kinh tế cao; tỷ lệ hộ dân nông thôn sử dụng nước sạch; tỷ lệ che phủ rừng.

2. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp

2.1. Đánh giá vai trò, kết quả lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy Đảng trong xây dựng Nông thôn mới.

2.2. Đánh giá công tác quản lý nhà nước của chính quyền; phát huy sức mạnh của đoàn thể chính trị-xã hội ở nông thôn trong xây dựng Nông thôn mới.

2.3. Đánh giá kết quả thực hiện 06 chương trình chuyên đề trong xây dựng nông thôn mới.

2.4. Đánh giá mức độ thực hiện 11 nội dung thành phần của chương trình; đối chiếu so sánh với các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp đề ra của Nghị quyết từ năm 2022 đến năm 2024 và kế hoạch năm 2025 để làm căn cứ đánh giá và so sánh với năm gốc 2020, so sánh với mục tiêu Nghị quyết đến năm 2025, cụ thể:

(1) Nâng cao hiệu quả quản lý và thực hiện xây dựng nông thôn mới theo quy hoạch nhằm nâng cao đời sống kinh tế-xã hội nông thôn gắn với quá trình đô thị hoá.

(2) Phát triển hạ tầng kinh tế-xã hội cơ bản đồng bộ, đảm bảo kết nối nông thôn-đô thị và các vùng miền.

(3) Phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập người dân theo hướng bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu; chú trọng khai thác lợi thế của từng địa phương.

Tiếp tục thực hiện có hiệu quả cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn; triển khai mạnh mẽ Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) nhằm nâng cao giá trị gia tăng, phù hợp với quá trình chuyển đổi số, thích ứng với

biến đổi khí hậu; phát triển mạnh ngành nghề nông thôn; phát triển du lịch nông thôn; nâng cao hiệu quả hoạt động của các hợp tác xã; hỗ trợ các doanh nghiệp khởi nghiệp ở nông thôn; nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn... góp phần nâng cao thu nhập người dân theo hướng bền vững. Tập trung công tác bảo vệ và phát triển rừng; duy trì, phát triển các mô hình sinh kế dưới tán rừng, nâng cao thu nhập cho người dân tham gia bảo vệ rừng.

(4) Bảo vệ môi trường và cải tạo cảnh quan nông thôn: Nâng cao chất lượng môi trường; xây dựng cảnh quan nông thôn sáng- xanh-sạch-đẹp, an toàn; giữ gìn và khôi phục cảnh quan truyền thống của nông thôn Việt Nam.

(5) Phát triển giáo dục, y tế và chăm sóc sức khỏe người dân nông thôn.

(6) Nâng cao chất lượng đời sống văn hóa của người dân nông thôn; bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống theo hướng bền vững gắn với phát triển du lịch nông thôn.

(7) Giữ gìn an ninh và trật tự xã hội nông thôn.

(8) Xây dựng đảng và hệ thống chính trị cơ sở; nâng cao chất lượng, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị-xã hội trong xây dựng nông thôn mới.

(9) Giảm nghèo bền vững, đặc biệt là vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi và vùng bãi ngang ven biển.

(10) Đẩy mạnh và nâng cao chất lượng các dịch vụ hành chính công; nâng cao chất lượng hoạt động của chính quyền cơ sở; thúc đẩy quá trình chuyển đổi số trong nông thôn mới, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số, xây dựng nông thôn mới thông minh; bảo đảm và tăng cường khả năng tiếp cận pháp luật cho người dân; tăng cường giải pháp nhằm đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực trên cơ sở giới.

(11) Tăng cường công tác giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình; nâng cao năng lực xây dựng nông thôn mới; truyền thông về xây dựng nông thôn mới; thực hiện Phong trào thi đua cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới.

2.6. Kết quả thực hiện Bộ tiêu chí nông thôn mới các cấp giai đoạn 2021-2025.

2.5. Kết quả huy động nguồn lực.

2.7. Đánh giá kết quả thực hiện quy chế dân chủ, công khai, minh bạch trong xây dựng nông thôn mới; xây dựng và nhân rộng mô hình “dân vận khéo” gắn với các tiêu chí xây dựng Nông thôn mới.

2.8. Đánh giá công tác phối hợp tuyên truyền và tham gia xây dựng Nông thôn mới của Mặt trận và các đoàn thể chính trị-xã hội.

IV. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Những kết quả đạt được (*Đánh giá tổng quát những kết quả đạt được*).
2. Những hạn chế, khó khăn (*Phân tích, nêu rõ những ưu điểm, hạn chế và khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện*).
3. Phân tích nguyên nhân hạn chế, nhất là nguyên nhân chủ quan.
4. Bài học kinh nghiệm.

Phần thứ hai

MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRONG THỜI GIAN TỚI

I-DỰ BÁO TÌNH HÌNH TRONG THỜI GIAN TỚI

1. Bối cảnh cụ thể, thuận lợi, khó khăn của địa phương, đơn vị, nhất là các chủ trương của Đảng, các cơ chế, chính sách mới của tỉnh và khả năng huy động các nguồn lực đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng, nâng cao thu nhập của người dân nông thôn và hiệu quả của các công trình, dự án đã đầu tư tác động đến xây dựng nông thôn mới đến năm 2025.
2. Xu hướng phát triển nông thôn mới đến năm 2025.

II. Phương hướng, mục tiêu

1. Mục tiêu tổng quát.
2. Mục tiêu cụ thể.

(Trong đó, các cơ quan, đơn vị chủ động đề xuất việc điều chỉnh tăng đối với các chỉ tiêu đã đạt hoặc vượt để tiếp tục thực hiện trong thời gian còn lại).

III. Nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm

1. Nhiệm vụ.
2. Giải pháp.

IV. Đề xuất, kiến nghị

1. Đề xuất, kiến nghị chung.
2. Đề xuất, kiến nghị để khắc phục những bất cập.

(Đính kèm các phụ lục)